TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NINH BÌNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2026/DS-ST
Ngày 16 tháng 01 năm 2026
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Quốc Phòng
2. Ông Nguyễn Minh Tín.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình *tham gia phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thanh Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - N sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 49/2025/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 22/QĐST-DS ngày 30/12/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1960; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967; nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường T, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

3. Người làm chứng: Anh Đặng Trần H1, sinh năm 1992; nơi cư trú: Tổ dân phố L, phường T, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, những lời khai tiếp theo trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là bà Trương Thị H trình bày:

Do quan hệ quen biết nên ngày 30/12/2022 bà cho bà M vay số tiền 10.000.000 đồng (số tiền này bà chỉ viết để nhớ, bà M không ký giấy vay tiền). Sau đó một số lần bà M có vay tiền và vàng của bà nhưng đến ngày 30/11/2023 (dương lịch) bà và bà M chốt nợ thì bà Nguyễn Thị M còn nợ bà tổng số vàng là 03 cây vàng 9999 - đều là nhẫn tròn trơn (cửa hàng V) và số tiền nợ là 83.240.000 đồng (bà M có viết giấy nhận nợ, có chứng kiến của anh Đặng Trần H1). Việc vay nợ này giữa bà và bà M thì có anh Đặng

Trần H1 (là con trai bà M biết), bà M nói vay bà số tiền này là để trả nợ tiền xây nhà. Từ thời điểm chốt nợ đến nay, bà đã nhiều lần đến nhà, gọi điện để yêu cầu bà M phải trả bà số vàng và tiền còn nợ xong bà M chỉ hứa hẹn và không trả cho bà. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà số tài sản cụ thể như sau: Số vàng là 03 cây vàng 9999 và số tiền nợ gốc là 93.240.000 đồng + nợ lãi của số tiền gốc 93.240.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Ngày 14/11/2025, bà Trương Thị H làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện với nội dung cụ thể là: Tại Đơn khởi kiện ngày 03/10/2025 và tại Bản tự khai ngày 24/10/2025 bà có yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà số tài sản cụ thể như sau: Số vàng là 03 cây vàng 9999 và số tiền nợ gốc là 93.240.000 đồng + nợ lãi của số tiền gốc 93.240.000 đồng. Nay bà xét thấy, đối với số tiền mà bà M vay bà ngày 30/12/2020 là 10.000.000 đồng và nợ lãi của số tiền gốc 93.240.000 đồng thì bà không đề nghị Tòa án giải quyết nữa. Nay bà chỉ đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà số tài sản cụ thể như sau: Số vàng là 03 cây vàng 9999 và số tiền nợ gốc là 83.240.000 đồng.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị M mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến làm việc, để trình bày quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà M vẫn cố tình trốn tránh không đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự.

Người làm chứng là anh Đặng Trần H1 trình bày: Anh là con trai của bà Nguyễn Thị M, bà M chung sống cùng vợ chồng anh tại tổ dân phố L, phường T, tỉnh Ninh Bình. Về việc mẹ anh vay nợ của bà Trương Thị H thì anh được biết sự việc như sau: Khoảng năm 2021 do nhà anh xây nhà còn nợ tiền nên mẹ anh có vay tiền và vàng của bà H (tên hay gọi là H2). Việc vay mượn cụ thể giữa mẹ anh và bà H như thế nào thì anh không được rõ. Xong anh xác định giấy vay nợ đề ngày 30/11/2023 là chữ viết của mẹ anh và anh đã ký chứng kiến vào giấy vay nợ này giữa mẹ anh và bà H. Nay mẹ anh đi làm thuê thi thoảng mới về nhà nên anh nhận thay mẹ anh các văn bản của Tòa án và cam kết có trách nhiệm thông báo cho mẹ anh biết để về Tòa án làm việc giải quyết việc bà H đòi nợ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của Bị đơn: Mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho thân nhân và là người chung sống cùng nhà với bà Nguyễn Thị M là anh Đặng Trần H1 nhận thay và có trách nhiệm thông báo cho bà M biết xong bà M vẫn cố tình trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ, không chấp hành theo các văn bản tố tụng của Tòa án và không đưa ra quan điểm của mình nên TAND Khu vực 6 - Ninh Bình căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết là đúng. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Các Điều 26; 35; 39; 147; 227, 228, 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 463; 466; 469 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc:

Rút phần đòi nợ số tiền 10.000.000 đồng và số tiền lãi của số tiền gốc 93.240.000 đồng của bà Trương Thị H đối với bà Nguyễn Thị M. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H đối với bà Nguyễn Thị M về việc: Buộc bà M phải trả cho bà H số vàng là 03 cây vàng 9999 (theo giá vàng tại thời điểm xét xử) và số tiền là 83.240.000 đồng. Buộc bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Ninh Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa nguyên đơn là bà Trương Thị H có đơn xin xử vắng mặt; bị đơn là bà Nguyễn Thị M đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Vì vậy căn cứ vào Điều 227; Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án*:

Căn cứ lời khai của các đương sự, các tài liệu chứng cứ, tài liệu xác minh trong quá trình giải quyết vụ án, thấy rằng: Bà H đã cho bà M vay nhiều lần tiền, vàng vào các thời điểm khác nhau nhưng đến ngày 30/11/2023 (dương lịch) bà H và bà M chốt nợ thì bà M còn nợ bà H tổng số vàng là 03 cây vàng 9999 – đều là nhẫn tròn trơn (cửa hàng V) và số tiền là 83.240.000 đồng. Bà M có viết giấy nhận nợ đề ngày 30/11/2023 với bà H và anh Đặng Trần H1 (là con trai bà M) có ký vào giấy vay tiền là người chứng kiến; giấy vay nợ này đã được anh H1 thừa nhận là chữ ký Mận là chữ ký của mẹ anh và chữ ký Người chứng kiến trong Giấy vay nợ này là chữ ký, chữ viết của anh H1. Từ thời điểm chốt nợ đến nay, bà H đã nhiều lần đến nhà, gọi điện để yêu cầu bà M phải trả số vàng và tiền còn nợ nhưng bà M chỉ hứa hẹn và không trả cho bà H. Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà H số tài sản cụ thể gồm: Số vàng là 03 cây vàng 9999 (Duy hiển) và số tiền nợ gốc là 93.240.000 đồng + nợ lãi của số tiền gốc 93.240.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị M mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến làm việc, để trình bày quan điểm của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà M vẫn cố tình trốn tránh không về tham gia các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các đương sự, không có quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Tuy nhiên, anh Đặng Trần H1 là con trai bà M đã xác nhận: Khoảng năm 2021, do nhà anh xây nhà còn nợ tiền nên mẹ anh có vay tiền và vàng của bà H. Giấy vay nợ đề ngày 30/11/2023 là chữ viết của mẹ anh, anh đã chứng kiến việc mẹ anh viết giấy vay nợ của bà H và anh có ký tên người chứng kiến vào giấy vay nợ này.

Theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 "Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định" và tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại, đúng số lượng,

chất lượng". Việc vay vàng giữa cá nhân với cá nhân chỉ nhằm mục đích tương trợ giúp đỡ nhau không nhằm mục đích kinh doanh nên không vi phạm điều cấm của pháp luật. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc bà M phải trả khoản: Nợ 03 cây vàng 9999 (D) và số tiền nợ là 83.240.000 đồng là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3] Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc: Số tiền nợ 10.000.000 đồng và nợ lãi của số tiền gốc 93.240.000 đồng thì bà không đề nghị Tòa án giải quyết nữa. Nay bà chỉ đề nghị Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị M phải trả cho bà số tài sản cụ thể như sau: Số vàng là 03 cây vàng 9999 - đều là nhẫn tròn trơn (cửa hàng V) và số tiền nợ gốc là 83.240.000 đồng. Việc bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận 03 cây vàng 9999 về giá vàng 9999 tại thời điểm xét xử (ngày 16/01/2026) trên thị trường, vàng 9999 nhẫn vàng trơn có giá 16.100.000 đồng/1 chỉ = 483.000.000 đồng và số tiền nợ gốc là 83.240.000 đồng = 566.240.000 đồng nên bà M phải chịu án phí dân sự theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 238; 244 BLTTDS năm 2015;

- Điều 463, 466, 469 BLDS năm 2015;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H đối với bà Nguyễn Thị M về số tiền 10.000.000 đồng và số tiền lãi của số tiền gốc 93.240.000 đồng.

2. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị H đối với bà Nguyễn Thị M: Buộc bà M phải trả cho bà H 03 cây vàng 9999 - đều là nhẫn tròn trơn trị giá vàng tại thời điểm xét xử (ngày 16/01/2026) trên thị trường, vàng 9999 nhẫn tròn trơn có giá 16.100.000 đồng/ 01 chỉ, do đó 03 cây vàng tương đương 483.000.000 đồng và số tiền là 83.240.000 đồng, tổng số tiền là 566.240.000 đồng

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn là bà Nguyễn Thị M phải chịu 26.649.600 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Án xử công khai, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tươi

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND khu vực 6 – Ninh Bình.
- Thi hành án DS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự.
- Lưu Hồ sơ.